

Số 1218-QĐ/VHLKHXHVN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung và diện tích chuyên dùng của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 của Quốc hội khóa 14;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kiểm toán độc lập, luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;
- Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, hoạt động sự nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính.

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung và diện tích chuyên dùng của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Ban Kế hoạch – Tài chính:

a) Trình Chủ tịch Viện Hàn lâm giao cơ sở nhà, đất để sử dụng cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm;

b) Hướng dẫn các đơn vị có liên quan kịp thời rà soát báo cáo và có đề xuất trình cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh bổ sung tiêu chuẩn định mức cho phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của Viện Hàn lâm trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Các Chủ đầu tư, các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức được duyệt để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao diện tích nhà làm việc, diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung và diện tích chuyên dùng cho các tổ chức, cá nhân; lập dự án đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê công trình sự nghiệp; quản lý, sử dụng các công trình sự nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

Trong quá trình quản lý, sử dụng, Thủ trưởng đơn vị có thể điều chỉnh loại diện tích công trình sự nghiệp tương đương để phù hợp với mục đích sử dụng nhưng không vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, Trong trường hợp cần thiết phát sinh các công trình ngoài danh mục, vượt tiêu chuẩn, định mức, Thủ trưởng đơn vị trình Viện Hàn lâm xem xét, quyết định bổ sung, điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành.

Diện tích công trình của đơn vị sự nghiệp công lập được quản lý, sử dụng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Chủ tịch (để b/c);
- Công TTĐT Viện Hàn lâm (để đăng công khai);
- Lưu VT, KHTC.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Lợi

Phụ lục**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, diện tích làm việc của các chức danh và diện tích sử dụng chung và diện tích chuyên dùng của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

(Kèm theo Quyết định số: 1218 -QĐ/VHLKHXHVN ngày 18/06/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

I. Tiêu chuẩn, định mức diện tích nhà làm việc phân diện tích làm việc của các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh được quy định như sau:

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)	Ghi chú
1	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.	65	Tiêu chuẩn diện tích bao gồm: - Diện tích làm việc - Diện tích tiếp khách
2	Bí thư, Chủ tịch Viện và các chức danh, chức vụ tương đương	55	Tiêu chuẩn diện tích bao gồm: - Diện tích làm việc - Diện tích tiếp khách
3	Phó bí thư, Phó chủ tịch Viện và các chức danh, chức vụ tương đương	40	Tiêu chuẩn diện tích bao gồm: - Diện tích làm việc - Diện tích tiếp khách
4	Trưởng ban, Chánh văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị, Giám đốc, Tổng biên tập và các chức danh, chức vụ tương đương	40	
5	Phó trưởng ban, phó Chánh văn phòng, phó Thủ trưởng các đơn vị, phó Giám đốc, phó tổng biên tập và các chức danh, chức vụ tương đương	30	

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)	Ghi chú
6	Trưởng, phó phòng, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính và các chức danh, chức vụ tương đương	20	
7	Chuyên viên, nghiên cứu viên và các chức danh tương đương	15	
8	Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	10	

2. Đối với các chức danh làm việc trong một số lĩnh vực như giảng viên, nhà khoa học và một số chức danh khác của đơn vị thì diện tích làm việc của các chức danh này được bố trí phù hợp với tính chất công việc trong diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hoặc diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh quy định tại mục 1.

II. Tiêu chuẩn, định mức diện tích nhà làm việc phần diện tích sử dụng chung

1. Diện tích sử dụng chung là diện tích sử dụng phục vụ hoạt động chung trong trụ sở làm việc của đơn vị, gồm:

- Phòng tiếp dân; phòng văn thư, đánh máy, hành chính, quản trị; phòng nhân sao tài liệu;
- Phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế);
- Hội trường, phòng họp;
- Phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và sách;
- Phòng máy tính, quản trị mạng, phòng đặt thiết bị kỹ thuật, quản lý tòa nhà;
- Phòng thường trực, bảo vệ hoặc phòng bảo vệ có yêu cầu trực đêm; phòng truyền thông; phòng y tế; nhà ăn; kho thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm; sảnh, hành lang; ban công, lô gia; nơi thug om giấy và rác thải; nhà làm việc của đội xe; khu vệ sinh; diện tích phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy;
- Diện tích sử dụng chung khác không thuộc diện tích nêu trên của khoản này.

2. Diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều này được xác định tối đa không quá 85% tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh của đơn vị và được phân bổ cho từng loại diện tích cụ thể quy định tại mục 1.

Trường hợp sau khi phân bổ cho từng loại diện tích quy định tại khoản 1 Điều này mà diện tích các phòng/bộ phận có quy định cụ thể tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam (công sở cơ quan hành chính nhà nước) thấp hơn so với mức tối thiểu được quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam thì được áp dụng diện tích của phòng/bộ phận theo mức tối thiểu quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam. Phần diện tích chênh lệch giữa diện tích được phân bổ và diện tích tối thiểu theo Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam được bổ sung vào diện tích sử dụng chung của đơn vị.

III. Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng

1. Diện tích kho sách, tài liệu khoa học phục vụ nghiên cứu được tính toán trên cơ sở Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26/11/2007 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn kho lưu trữ chuyên dùng; số lượng sách, tài liệu khoa học bổ sung trong 1 năm và hướng dẫn tại phụ lục c của Tiêu chuẩn 4601:2012 – Công sở cơ quan hành chính nhà nước tiêu chuẩn thiết kế, cách xác định như sau:

- Diện tích sàn kho bảo quản tài liệu được tính theo công thức:

$$\text{Diện tích sàn kho} = \frac{\text{Số mét giá tài liệu cần bảo quản}}{5}$$

- Giá để tài liệu được lắp thành hàng giá 2 mặt, mỗi hàng giá không dài quá 10m. Các hàng giá được đặt vuông góc với cửa sổ, cách mặt tường từ 0,4m đến 0,6m. Lối đi giữa các hàng giá từ 0,7m đến 0,8m, lối đi giữa hai đầu giá từ 1,2m đến 1,4m.

- Tiêu chuẩn diện tích phòng đọc được tính 1,8m²/chỗ. Tiêu chuẩn diện tích của một nhân viên phục vụ 6m²/người.

2. Kho hiện vật bảo tàng

Diện tích được tính toán dựa trên số lượng các hiện vật trưng bày của bảo tàng được lưu giữ, bảo quản trong kho như các vật dụng trong đời sống hàng ngày; công cụ sản xuất; dụng cụ văn hoá, tín ngưỡng... của các dân tộc Việt Nam. Tiêu chí để xác định diện tích kho hiện vật bảo tàng của Viện Hàn lâm được tính toán trên cơ sở số hiện vật hiện có và số hiện vật bổ sung hằng năm.

Việc xây dựng và cải tạo kho hiện vật bảo tàng theo Tiêu chuẩn TCVN 13586:2022.

3. Phòng trưng bày

Diện tích được tính toán dựa trên số lượng các hiện vật trưng bày của bảo tàng được đưa ra trưng bày như các vật dụng trong đời sống hàng ngày; công cụ sản xuất; dụng cụ văn hoá, tín ngưỡng... của các dân tộc Việt Nam. Tiêu chí để xác định diện tích phòng trưng bày hiện vật bảo tàng của Viện Hàn lâm được tính toán trên cơ sở số hiện vật đưa ra trưng bày hằng năm.

Việc xây dựng phòng trưng bày theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4319:1986.